

Bản án số: 46/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 01 - 2018
“V/v Ly hôn giữa chị T và anh N”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Ngọc Diệu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Cư

2. Ông Lê Đức Minh

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Phạm Minh Sang là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Bảo Thịnh – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 341/2017/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2017 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 450/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2018/QĐST-DS ngày 15 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Chị Trần Thị Xuân T, sinh năm 1988 (có mặt).

Nơi cư trú: số 06 Hương lộ 2, khóm Long Hưng, phường Long Châu, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- ***Bị đơn:*** Anh Ngô Văn N; sinh năm 1986 (vắng mặt).

Nơi cư trú: số 10 Đề Thám, khóm Long Thị C, phường Long Hưng, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 10/10/2017, bản tự khai và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Trần Thị Xuân T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Xuân T và anh Ngô Văn N đi đến hôn nhân vào năm 2009 hôn nhân tự tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Long Thạnh, trong quá trình sống chung vợ chồng được 06 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, cuộc sống chung không hạnh phúc, vợ chồng không còn sống chung từ tháng 05/2017 cho đến nay. Nay chị T yêu cầu được ly hôn với anh N.

Về con chung: Có 01 con chung Ngô Trần Thiên Đ, sinh ngày 02/01/2013, hiện nay con chung đang sống với chị T, khi ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Anh Ngô Văn N trình bày: Về điều kiện kết hôn và thời gian kết hôn anh N cũng thống nhất như chị T trình bày, về mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng về quan điểm sống nên anh thống nhất ly hôn với chị T.

Về con chung: Có 01 con chung Ngô Trần Thiên Đ, sinh ngày 02/01/2013, hiện nay con chung đang sống với chị T, khi ly hôn anh N đồng ý giao con chung cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa chị Trần Thị Xuân T vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Thị Xuân T và anh Ngô Văn N tranh chấp ly hôn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vào ngày 08/11/2017, anh Ngô Văn N có yêu cầu Tòa án hòa giải và xét xử vắng mặt, với lý do anh đang làm thuê nên không đến tham dự phiên hòa giải và phiên tòa là phù hợp tại khoản 2 Điều 207 khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, do đó Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Ngô Văn N.

Phát biểu của Kiểm sát viên về tố tụng: Tòa án đã tuân thủ đúng pháp luật về thủ tục theo quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý đến khi giải quyết vụ án. Đối với các đương sự thì thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70; 71; 72; và 234 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83; 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, cho chị T và anh N Tận tình ly hôn, về con chung thì giao con chung cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng.

Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân của chị T và anh N đi đến hôn nhân vào năm 2009 hôn nhân do anh chị tự tìm hiểu, tự nguyện sống chung, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Long Thạnh. Trong quá trình chung sống do vợ chồng bất đồng quan điểm, cuộc sống chung không có hạnh phúc và vợ chồng không còn sống chung từ tháng 05/2017 cho đến nay và anh chị cũng thống nhất ly hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật xem xét bảo vệ.

Xét thấy, mặc dù Tòa án có tiến hành thông báo hòa giải để tạo điều kiện cho anh chị đoàn tụ, nhưng với những mâu thuẫn nêu trên đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được,

và anh Ngô Văn N có yêu cầu hòa giải và xét xử vắng mặt, do đó nên cho anh chị thuận tình ly hôn là phù hợp quy định của pháp luật.

Về con chung: Có 01 con chung Ngô Trần Thiên Đ, sinh ngày 02/01/2013, hiện nay con chung đang sống với chị T, anh N đồng ý giao con chung cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, về nợ chung: không có

Về án phí: chị Trần Thị Xuân T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51; 55; 57; 58; 81; 82; 83; và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Xuân T và anh Ngô Văn N Tận tình ly hôn.

2. Về con chung: Có 01 con chung Ngô Trần Thiên Đ, sinh ngày 02/01/2013, hiện nay con chung đang sống với chị T, anh N đồng ý giao con chung cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Không bên nào được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

4. Về án phí: chị Trần Thị Xuân T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ từ số tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai T số 0001367 ngày 16/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Tân Châu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án

mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TX Tân Châu;
- Chi cục THADS TX Tân Châu;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Ngọc Diệu